TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÀM YÊN** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **53**/2023/HNGĐ-ST
Ngày 07/3/2023
V/v không công nhận vợ chồng giữa chị Lý Thị P với anh Lý Văn B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Ma Thị Tuyết Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Bích

2. Ông Hoàng Văn Bốn

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Hường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07/3/2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2023/TLST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2023 về việc "Yêu cầu tuyên bố không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 02 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị P, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh T (có mặt).

- Bị đơn: Anh Lý Văn B, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh T (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lý Thị P trình bày*:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lý Văn B tự do tìm hiểu nhau từ năm 2001, sau đó được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn do hiểu biết về pháp luật hạn chế. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến năm 2021 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi chửi nhau. Từ đầu năm 2022 thì chị và anh B sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay, chị xác định tình cảm giữa chị và anh B đã hết, không thể

tồn tại gia đình hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án không công nhận chị với anh Lý Văn B là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh Lý Văn B có 02 con chung là cháu Lý Văn T, sinh ngày 13/11/2001 đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết; cháu Lý Thảo V, sinh ngày 14/10/2016 hiện đang ở với chị, sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị và anh B tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

** Theo bản tự khai và tại phiên tòa, Bị đơn là anh Lý Văn B trình bày*:

Anh và chị Lý Thị P có được tìm hiểu và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, tuy nhiên không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung ban đầu hạnh phúc, từ năm 2021 thì thường xuyên mâu thuẫn nên từ đầu năm 2022 hai người đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay, anh xác định không còn tình cảm với chị Lý Thị P nên nhất trí quan điểm của chị P đề nghị Tòa án không công nhận anh, chị là vợ chồng.

Về con chung: Anh và chị Lý Thị P có 02 con chung như chị P khai là đúng, sau khi ly hôn, anh nhất trí để chị P trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lý Thảo V, anh không phải cấp dưỡng nuôi con; còn cháu Lý Văn T đã trưởng thành và lập gia đình riêng nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Anh chị tự thỏa thuận, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; các Điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lý Thị P và anh Lý Văn B là vợ chồng:

+ Về con chung: Giao cháu Lý Thảo V, sinh ngày 14/10/2016 cho chị Lý Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Lý Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung;

+ Về án phí và quyền kháng cáo: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Lý Thị P; các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo các tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp; trên cơ sở kết quả xác minh tại thôn L, xã Y và cung cấp của Công an xã Y, huyện H thì chị Lý Thị P và anh Lý Văn B cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã Y, huyện H, tỉnh T. Hiện nay, chị P, anh B vẫn sinh sống tại địa chỉ trên, do đó việc Tranh chấp hôn nhân gia đình trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Qúa trình thụ lý, giải quyết vụ án các đương sự đều chấp hành và thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị P và anh Lý Văn B về chung sống với nhau từ tháng 2 năm 2001 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Qua xác minh tại địa phương thì từ năm 2001 đến nay, không có trường hợp nào có tên chồng là Lý Văn B và vợ là Lý Thị P đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện H, tỉnh T.

Tại điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội và khoản 1 Điều 11- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2001) quy định: "Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn hai năm, kể từ ngày Luật này có hiệu lực cho đến ngày 01/01/2003 trong thời hạn này mà họ không đăng ký kết hôn nhưng có yêu cầu ly hôn thì Toà án áp dụng các quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết. Từ sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng".

Như vậy, chị Lý Thị P và anh Lý Văn B chung sống với nhau từ năm 2001 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù họ đã có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy HĐXX cần xử không công nhận chị Lý Thị P và anh Lý Văn B là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị Lý Thị P và anh Lý Văn B có 02 con chung là cháu Lý Văn T, sinh ngày 13/11/2001 và cháu Lý Thảo V, sinh ngày 14/10/2016.

Tại Điều 15 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "Quyền, nghĩa vụ giữa nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng và con được giải quyết theo quy định của Luật này về quyền, nghĩa vụ của cha mẹ và con". Chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lý Thảo V, không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Lý Văn B cũng nhất trí để chị P trực tiếp nuôi con, do vậy HĐXX cần tôn trọng sự thỏa thuận của các đương sự là giao cháu Lý Thảo V cho chị Lý Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lý Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định. Đối với cháu Lý Văn T đã trên 18 tuổi, có đủ điều kiện về sức khỏe, không bị hạn chế khả năng lao động, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Các đương sự không đề nghị Toà án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Lý Thị P là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn án phí ly hôn sơ thẩm; các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 235, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; các Điều 15, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Lý Thị P và anh Lý Văn B là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lý Thảo V, sinh ngày 14/10/2016 cho chị Lý Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lý Văn B không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Lý Thị P. Anh Lý Văn B không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- T.H.A dân sự huyện Hàm Yên;
- UBND xã Yên Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu.

Ma Thị Tuyết Mai